

BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH NĂM 2025
(Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách do sắp xếp tổ chức, bộ máy theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ)
(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phong Thổ)

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Đơn vị công tác, địa bàn xã trước sát nhập, giải thể	Số tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng cộng		10.505.000.000	
I	Tổng kinh phí Phân bổ thực hiện hiên các chế độ chính sách		10.504.829.000	
1	Đồng Văn Khương	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Mường So	806.628.000	Nghỉ hưu
2	Lò Xuân Tim	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy xã Mường So	30.801.000	Nghỉ hưu
3	Đồng Thị Khem	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND thị trấn Phong Thổ	550.895.000	Nghỉ hưu
4	Lý A Hành	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Huổi Luông	834.174.000	Thôi việc
5	Tần Chín Lìn	Chủ tịch HĐND xã Ma Li Pho	965.996.000	Nghỉ hưu
6	Hoàng Văn Trang	Phó Chủ tịch HĐND xã Ma Li Pho	1.011.407.000	Nghỉ hưu
7	Nguyễn Thị Phượng	Công chức Tài chính - Kế toán xã Mường So	668.963.000	Nghỉ hưu
8	Tô Thị Vang	Công chức Tài chính - Kế toán thị trấn Phong Thổ	1.196.252.000	Nghỉ hưu
9	Lò Văn Minh	Công chức Tài chính kế toán xã Ma Li Pho	745.130.000	Thôi việc
10	Trang Văn Thành	Công chức Văn hoá xã Huổi Luông	738.417.000	Thôi việc
11	Lầu A Tú	Công chức Tư pháp - Hộ tịch Huổi Luông	513.513.000	Thôi việc
12	Lò Thị Nhung	Công chức Văn hóa - Xã hội Thị trấn Phong Thổ	1.023.516.000	Thôi việc
13	Lò Văn Thâm	Chỉ huy trưởng Ban CHQS Thị trấn Phong Thổ	827.351.000	Thôi việc
14	Lý Xa Đầu	Chủ tịch Hội LHPN xã Ma Li Pho	591.786.000	Thôi việc
II	Dự toán dư do UBND tỉnh làm tròn số học		171.000	

BIỂU PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phong Thổ)

ĐVT: Đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kinh phí phân bổ	Nội dung thực hiện, năng lực thiết kế	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng		3.519.000.000		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		499.000.000		
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Phòng Văn hóa - Xã hội	220.000.000	Quy mô 22 hộ nghèo, thiếu đất sản xuất, trên địa bàn các thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn xã	
2	Nước sinh hoạt phân tán	Phòng Văn hóa - Xã hội	279.000.000	Quy mô 79 hộ nghèo, khó khăn về NSH trên địa bàn các thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn xã	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		361.000.000		
1	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN		361.000.000		
-	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (đa dạng hóa sinh kế)	Phòng Kinh tế	361.000.000	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế cộng đồng (giống cây trồng, vật nuôi như: Cây rong diềng, khoai sọ, mía, ngựa, dê) trên địa bàn các bản đặc biệt khó khăn	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Phòng Kinh tế	538.000.000		
1	Tiêu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (duy tu, bảo dưỡng)		538.000.000		
1.1	Xây dựng, cải tạo đường giao thông nội bản Nhiều Sáng, xã Phong Thổ	Quyết định phê duyệt số 168/QĐ-UBND, ngày 28/7/2025	90.000.000	Đường GTNT C, chiều dài L= 110m, Mặt đường bê tông dày 16cm	
1.2	Duy tu, bảo dưỡng đường GTNT bản Ma Ly Pho, xã Phong Thổ	Quyết định phê duyệt số 167/QĐ-UBND, ngày 28/7/2025	279.700.000	Hót sứt sạt đất đá sạt lở dọc tuyến, sửa chữa mặt đường. Kết cấu Bê tông M250	
1.3	Duy tu, bảo dưỡng cầu treo các bản Vàng Bâu, Nà Củng, xã Phong Thổ	Quyết định phê duyệt số 166/QĐ-UBND, ngày 28/7/2025	168.300.000	Duy tu, bảo dưỡng 03 cầu treo; cầu 01 tại bản Nà Củng, chiều dài L= 50m, rộng 1,6m; 02 cầu tại bản Vàng Bâu kích thước lần lượt là: (65x1,6)m và (93,8x1,65)m	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		1.055.000.000		

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kinh phí phân bổ	Nội dung thực hiện, năng lực thiết kế	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Phòng Văn hóa - Xã hội	535.000.000	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức đối tượng 3, 4	
2	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Phòng Văn hóa - Xã hội	520.000.000	Hỗ trợ đào tạo nghề; Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS&MN để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài	
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		306.000.000		
1	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Phòng Văn hóa - Xã hội	306.000.000	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, trên địa bàn các thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn xã	
VI	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Ủy ban MTTQ	469.000.000		
1	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		469.000.000	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em; Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em; Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị; Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng;	
VII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn		46.000.000		
1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Văn phòng HĐND-UBND	46.000.000		
VIII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		245.000.000		

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kinh phí phân bổ	Nội dung thực hiện, năng lực thiết kế	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò vừa NCUT; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&N giai đoạn 2021-2030	Phòng Văn hóa - Xã hội	218.000.000	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò vừa NCUT; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&N giai đoạn 2021-2030	
2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Phòng Văn hóa - Xã hội	27.000.000	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn các Dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS trên địa bàn xã	

BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ BẢO VỆ ĐẤT TRỒNG LÚA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHONG THỎ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phong Thổ)

DVT: Đồng

S T T	Nội dung, danh mục	Quyết định phê duyet	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Ghi chú (Chủ đầu tư)
	Tổng cộng			<u>1.091.000.000</u>	
1	Mô hình sản xuất lúa thuần vụ đông xuân trên địa bàn xã Phong Thổ			546.000.000	Phòng Kinh tế
-	Dự án Mô hình trồng thâm canh giống lúa VNR 225 trên địa bàn thôn Đoàn Kết năm 2025		Cung cấp giống, vật tư phân bón cho 16ha, trên địa bàn thôn Đoàn Kết năm 2025	335.152.000	
-	Dự án Mô hình trồng thâm canh giống lúa Thiên ưu 8 trên địa bàn các thôn bản: Nậm Cung, Phiêng Đanh, Thống nhất năm 2025		Cung cấp giống, vật tư phân bón cho 10ha, trên địa bàn các thôn bản: Nậm Cung, Phiêng Đanh, Thống nhất năm 2025	210.848.000	
2	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng thôn Tây An, bản Nà Cung, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Quyết định phê duyệt số 171/QĐ-UBND, ngày 28/7/2025	Duy tu, sửa chữa 02 đường nội đồng, tổng chiều dài 781 m, kết cấu: mặt bê tông dày 14cm.	545.000.000	Phòng Kinh tế

